

THÔNG BÁO
về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản

- Căn cứ Quyết định số 989-QĐ/VHLKHCNVN, ngày 03/7/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam;

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

- Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC, ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

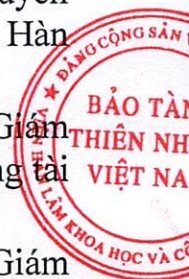
- Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-VHL, ngày 28/01/2026 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành quy định một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-BTTNVN, ngày 03/3/2026 của Tổng Giám đốc Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản công của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-BTTNVN, ngày 29/12/2025 của Tổng Giám đốc Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam về việc thành lập Tổ kiểm kê, Thanh lý tài sản năm 2025;

- Căn cứ Công văn số 761-CV/VHLKHCNVN, ngày 16/6/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc thanh lý tài sản năm 2025 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam;

Để có cơ sở xác định giá trị tài sản làm căn cứ quyết định giá khởi điểm, bán tài sản theo quy định, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam kính mời các đơn vị, các nhà cung cấp dịch vụ thẩm định giá đến xem xét và thẩm định giá trị hiện tại của các tài sản, công cụ, dụng cụ. Quá trình thẩm định giá thực hiện theo 02 giai đoạn: Giai đoạn 1, cung cấp hồ sơ năng lực, báo giá chi phí thẩm định dựa trên danh mục do Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam cung cấp; Giai đoạn 2: Khảo sát hiện trạng, ra chứng thư thẩm định giá. Cụ thể:



1. Tài sản, công cụ, dụng cụ: (Phụ lục kèm theo).

2. Mục đích thẩm định: Xác định giá trị hiện tại của các tài sản, công cụ, dụng cụ làm căn cứ quyết định giá khởi điểm, bán tài sản theo quy định.

3. Thời điểm đề nghị thẩm định: Tháng 8/2026.

4. Địa điểm thẩm định: Bảo tàng Thiên: Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Nhà A20, số 18, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội.

5. Hạn nộp hồ sơ năng lực, báo giá chi phí thẩm định: Trong giờ hành chính, trong 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo trên website của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, (nộp trực tiếp hoặc gửi về Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, địa chỉ: Nhà A20, số 18, Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Hà Nội).

Liên hệ: Ông Phùng Tấn Trung. ĐT: 0912633623.

Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam kính mời các đơn vị, các nhà cung cấp dịch vụ, thẩm định giá đến xem xét và thẩm định giá trị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đơn vị, các nhà cung cấp dịch vụ, thẩm định giá;
- Tổng giám đốc (để b/c);
- Lưu VT.

**K/T TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phan Kế Long



DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2025

Kèm theo Thông báo số 298-TB/BTTNVN, ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

STT	Mã TS	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
1	ts0042	Máy tính xách tay IBM P4 2.2 R1G	Cái	1	GĐ01	2007	24.331.000	24.331.000	24.331.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
2	ts0038	Máy tính P4 3.01Gh R1G + LCD LG 17	Cái	1	GĐ05	2006	11.979.000	11.979.000	11.979.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
3	ts0033	Máy tính xách tay IBM P4 1.8 R256	Cái	1	GĐ12	2003	22.820.000	22.820.000	22.820.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
4	ts0063	Máy Quay Sony	Cái	1	QL010	2006	14.990.000	14.990.000	14.990.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
5	ts0062	Máy Ảnh Sony	Cái	1	QL011	2006	15.990.000	15.990.000	15.990.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
6	ts0009	Điều hoà LG - 18000 BTU	Cái	1	QL030	2008	12.749.000	12.749.000	12.749.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
7	ts0039	Máy chiếu	Cái	1	QL031	2007	27.014.000	27.014.000	27.014.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
8	ts0051	Máy tính Đồng bộ HP 2111L LCD20	Cái	1	QL067	2012	12.400.000	12.400.000	12.400.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
9	ts0053	Máy tính đồng bộ HP P6 2111L R2G LCD 20 + UPS santax 500	Cái	1	QL068+069	2013	11.491.000	11.491.000	11.491.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
10	ts0008	Điều hoà LG - 18000 BTU	Cái	1	CT002	2005	10.089.000	10.089.000	10.089.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
11	TS0036.1	Máy tính P4 3.01Gh R512 +LCD LG17	Cái	1	CT006	2002	11.979.000	11.979.000	11.979.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
12	ts0016	Điều hòa FUJISU - 18000BTU	Cái	1	CT046	2012	12.650.000	12.650.000	12.650.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
13	TS0154.1	Máy tính để bàn cấu hình cao HP R191 18.5 Pavilion P6-2341L	Cái	1	CT070	2013	15.695.114	15.695.114	15.695.114	0	Hỏng - không sử dụng được	
14	TS0154.2	Máy tính để bàn cấu hình cao HP R191 18.5 Pavilion P6-2341L	Cái	1	CT070	2013	15.695.114	15.695.114	15.695.114	0	Hỏng - không sử dụng được	



STT	Mã TS	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
15	TS0154.3	Máy tính để bàn cấu hình cao HP R191 18.5 Pavilion P6-2341L	Cái	1	CT070	2013	15.695.114	15.695.114	15.695.114	0	Hỏng - không sử dụng được	
16	ts0102	Máy ảnh + Ống kính Sony A35	Cái	1	TT015	2011	14.949.000	14.949.000	14.949.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
17	ts0052	Máy tính Ci3 2120 R4G 500GB + LCD 18,5 + UPS Santac 500A	Cái	1	TT016	2012	14.600.000	14.600.000	14.600.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
18	ts0010	Điều hoà LG - 18000 BTU	Cái	1	BST007	2008	12.749.000	12.749.000	12.749.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
19	TS0143.1	Máy Hút bụi Hiclean HC90	Cái	1	BST030	2013	10.148.720	10.148.720	10.148.720	0	Hỏng - không sử dụng được	
20	TS0143.2	Máy Hút bụi Hiclean HC90	Cái	1	BST030	2013	10.148.720	10.148.720	10.148.720	0	Hỏng - không sử dụng được	
21	TS0036.2	Máy tính P4 3.01Gh R512 + LCD LG17	Cái	1	BT002	2002	11.979.000	11.979.000	11.979.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
22	ts0048	Máy tính đồng bộ HP E5700 R1G	Cái	1	TTBT002	2011	11.000.000	11.000.000	11.000.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
23	ts0037	Máy tính P4 3.01Gh R512 + LCD LG17	Cái	1	ĐL003	2006	11.979.000	11.979.000	11.979.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
Tổng tiền								333.120.782				

DANH MỤC CÔNG CỤ, DỤNG CỤ ĐỀ NGHỊ THANH LÝ NĂM 2025

Kèm theo Thông báo số 88/TB-BTTTT, ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam



STT	Tên tài sản	Đơn vị chức năng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
1	Tủ gỗ để tài liệu	Cái	GD06	2006	454.300	454.300	454.300	0	Hỏng - không sử dụng được	
2	Tủ gỗ để tài liệu	Cái	GD07	2006	454.300	454.300	454.300	0	Hỏng - không sử dụng được	
3	UPS 500A	Cái	GD08	2006	7.890.000	7.890.000	7.890.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
4	Điện thoại cố định	Cái	GD09	2007	3.500.000	3.500.000	3.500.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
5	Điện thoại cố định	Cái	GD10	2007	3.500.000	3.500.000	3.500.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
6	Máy hủy giấy	Cái	GD11	2007	4.729.000	4.729.000	4.729.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
7	Kệ nước	Cái	GD13	2008	418.000	418.000	418.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
8	Kệ nước	Cái	GD14	2008	418.000	418.000	418.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
9	Quạt cây	Cái	GD15	2008	700.000	700.000	700.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
10	Quạt cây	Cái	GD16	2008	700.000	700.000	700.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
11	Ghế nhân viên	Cái	GD17	2010	270.000	270.000	270.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
12	Ghế nhân viên	Cái	GD18	2010	270.000	270.000	270.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
13	Ghế nhân viên	Cái	GD19	2010	270.000	270.000	270.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
14	Ghế nhân viên	Cái	GD20	2010	270.000	270.000	270.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
15	Ghế nhân viên	Cái	GD21	2010	270.000	270.000	270.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
16	Kệ nước	Cái	GD22	2010	418.000	418.000	418.000	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
17	UPS 500A	Cái	1	GD23	2010	595.600	595.600	595.600	0	Hỏng - không sử dụng được	
18	UPS 500A	Cái	1	GD24	2010	595.600	595.600	595.600	0	Hỏng - không sử dụng được	
19	UPS 500A	Cái	1	GD25	2010	595.600	595.600	595.600	0	Hỏng - không sử dụng được	
20	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	GD26	2011	870.000	870.000	870.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
21	UPS 500A	Cái	1	GD27	2011	595.600	595.600	595.600	0	Hỏng - không sử dụng được	
22	Kệ nước	Cái	1	GD29	2012	418.000	418.000	418.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
23	UPS 500A	Cái	1	GD31	2012	595.600	595.600	595.600	0	Hỏng - không sử dụng được	
24	Bàn Giám đốc + 01 ghế GD	Cái	1	GD32	2013	2.732.400	2.732.400	2.732.400	0	Hỏng - không sử dụng được	
25	Điện thoại cố định	Cái	1	GD35	2013	3.500.000	3.500.000	3.500.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
26	Quạt treo tường	Cái	1	GD41	2013	268.000	268.000	268.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
27	Quạt cây Mifubishi	Cái	1	GD42	2013	760.000	760.000	760.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
28	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	QL002	2005	1.550.000	1.550.000	1.550.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
29	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	QL003	2005	1.550.000	1.550.000	1.550.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
30	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	QL006	2006	1.550.000	1.550.000	1.550.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
31	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	1	QL007	2006	1.550.000	1.550.000	1.550.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
32	Bàn làm việc L + 1ghế NV	Cái	1	QL015	2007	1.520.000	1.520.000	1.520.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
33	Bàn làm việc + 1ghế NV	Cái	1	QL018	2007	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
34	Ghế nhân viên	Cái	1	QL019	2007	272.250	272.250	272.250	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
										dùng được	
35	LG - 12000 BTU	Cái	1	QL021	2007	9.799.000	9.799.000	9.799.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
36	Ổ cứng 320G	Cái	1	QL023	2007	2.219.000	2.219.000	2.219.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
37	Máy huỷ giấy	Cái	1	QL024	2007	2.700.000	2.700.000	2.700.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
38	Máy in HP 2015D	Cái	1	QL025	2007	7.043.000	7.043.000	7.043.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
39	Máy tính P4 3.0Gh RIG + LCD LG17	Cái	1	QL026	2007	9.808.800	9.808.800	9.808.800	0	Hỏng - không sử dụng được	
40	Quạt treo tường	Cái	1	QL028	2007	268.000	268.000	268.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
41	Bộ xa lông gỗ	Cái	1	QL029	2008	4.110.000	4.110.000	4.110.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
42	Cây nước nóng lạnh	Cái	1	QL033	2009	6.550.000	6.550.000	6.550.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
43	Bàn làm việc + 1 ghế NV	Cái	1	QL042	2010	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
44	Quạt treo trần	Cái	1	QL054	2011	1.190.000	1.190.000	1.190.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
45	Âm ly California T888	Cái	1	QL060	2011	6.006.000	6.006.000	6.006.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
46	Bàn làm việc + ghế nv	Cái	1	CT007	2007	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
47	Bàn làm việc + ghế nv	Cái	1	CT008	2007	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
48	Bàn làm việc + ghế nv	Cái	1	CT009	2007	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
49	Bàn làm việc + ghế nv	Cái	1	CT010	2007	1.192.250	1.192.250	1.192.250	0	Hỏng - không sử dụng được	
50	Điều hoà LG - 12000 BTU	Cái	1	CT011	2007	9.799.000	9.799.000	9.799.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
51	Máy hút ẩm	Cái	1	CT012	2007	4.700.000	4.700.000	4.700.000	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
52	Máy hút ẩm	Cái	1	CT013	2007	4.700.000	4.700.000	4.700.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
53	Quạt treo tường	Cái	1	CT015	2007	268.000	268.000	268.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
54	Quạt treo tường	Cái	1	CT016	2007	268.000	268.000	268.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
55	Tủ đông bảo quản (mua mới)	Cái	1	CT018	2007	8.040.000	8.040.000	8.040.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
56	Bể ngâm mẫu có bánh xe	Cái	1	CT020	2008	8.250.000	8.250.000	8.250.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
57	Kệ gỗ đặt mẫu	Cái	1	CT022	2008	3.740.000	3.740.000	3.740.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
58	Kệ sắt đặt mẫu	Cái	1	CT023	2008	2.777.500	2.777.500	2.777.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
59	Kệ sắt đặt mẫu	Cái	1	CT024	2008	2.777.500	2.777.500	2.777.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
60	Điều hoà LG - 9000 BTU	Cái	1	CT026	2009	5.892.500	5.892.500	5.892.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
61	Điều hoà LG - 9000 BTU	Cái	1	CT027	2009	5.892.500	5.892.500	5.892.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
62	Bể ngâm mẫu nhựa	Cái	1	CT028	2010	4.767.000	4.767.000	4.767.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
63	Mặt sàng Inox (1750 x 1150)	Cái	1	CT031	2010	5.228.000	5.228.000	5.228.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
64	Mặt sàng Inox (650 x 1150)	Cái	1	CT032	2010	3.984.000	3.984.000	3.984.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
65	Máy hút ẩm	Cái	1	CT033	2010	8.103.333	8.103.333	8.103.333	0	Hỏng - không sử dụng được	
66	Máy hút ẩm	Cái	1	CT034	2010	8.103.333	8.103.333	8.103.333	0	Hỏng - không sử dụng được	
67	Máy hút ẩm	Cái	1	CT035	2010	8.103.333	8.103.333	8.103.333	0	Hỏng - không sử dụng được	
68	Xe vận chuyển	Cái	1	CT043	2010	9.975.000	9.975.000	9.975.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
69	Máy Bơm nước Panasonic	Cái	1	CT050	2013	1.486.906	1.486.906	1.486.906	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
	GP-200JXK Indo									dùng được	
70	Máy khoan mài (MICROMOTOR)	Cái	1	CT057	2013	8.000.000	8.000.000	8.000.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
71	Máy khoan mini cầm tay 906H	Cái	3	CT058	2013	8.154.379	24.463.136	24.463.136	0	Hỏng - không sử dụng được	
72	Quạt treo tường Điều khiển từ xa	Cái	3	CT069	2013	2.478.176	7.434.528	7.434.528	0	Hỏng - không sử dụng được	
73	Ba lô	Cái	1	CT074	2013	4.790.000	4.790.000	4.790.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
74	Quạt treo tường	Cái	1	CT103	2014	700.000	700.000	700.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
75	Kính hàn	Cái	1	CT112	2015	715.000	715.000	715.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
76	Bàn hợp văn gỗ nhỏ	Cái	1	TT001	2002	1.160.000	1.160.000	1.160.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
77	Điều hoà LG 9000BTU	Cái	1	TT003	2007	6.410.828	6.410.828	6.410.828	0	Hỏng - không sử dụng được	
78	Lưới vợt các loại J-60WB/Nhật bản/ Nhật	Cái	4	TT041	2014	1.711.121	6.844.486	6.844.486	0	Hỏng - không sử dụng được	
79	Đèn đội đầu ZX-S330/Nhật bản	Cái	1	TT042	2014	1.298.092	1.298.092	1.298.092	0	Hỏng - không sử dụng được	
80	Đèn đội đầu Gentos-headlight/nhật bản	Cái	1	TT043	2014	1.298.092	1.298.092	1.298.092	0	Hỏng - không sử dụng được	
81	Đầu đọc Ổ cứng	Cái	2	TT051	2015	1.227.227	2.454.454	2.454.454	0	Hỏng - không sử dụng được	
82	USB Kingston	Cái	2	TT067	2016	990.000	1.980.000	1.980.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
83	Bàn Giám đốc + 01 ghế GD	Cái	1	BST001	2006	5.098.500	5.098.500	5.098.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
84	Bàn làm việc + ghế NV	Cái	1	BST002	2007	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
85	Bàn làm việc + ghế NV	Cái	1	BST003	2007	1.195.000	1.195.000	1.195.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
86	Máy tính để bàn P4 3.0Gh R 1G + LG17	Cái	1	BST005	2007	9.957.000	9.957.000	9.957.000	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
87	LG - 9000 BTU	Cái	1	BST008	2008	5.892.500	5.892.500	5.892.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
88	Điều hòa nhiệt độ LG - 9000 BTU	Cái	1	BST012	2009	5.893.000	5.893.000	5.893.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
89	Bàn làm việc + ghế NV	Cái	1	BST013	2010	859.100	859.100	859.100	0	Hỏng - không sử dụng được	
90	Ghế Nhân viên	Cái	1	BST014	2010	275.000	275.000	275.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
91	Quạt treo tường Điều kiện từ xa	Cái	5	BST028	2013	696249	3.481.245	3.481.245	0	Hỏng - không sử dụng được	
92	Máy hút ẩm 16L ED-16B-Edison	Cái	3	BST029	2013	9.299.066	27.897.198	27.897.198	0	Hỏng - không sử dụng được	
93	Thước kẹp Mitutoyo Nhật	Cái	1	BST032	2013	10.590.000	10.590.000	10.590.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
94	Máy in Hp 1100	Cái	1	SH002	2006	3.380.500	3.380.500	3.380.500	0	Hỏng - không sử dụng được	
95	Bàn làm việc + ghế NV	Cái	1	SH003	2007	859.100	859.100	859.100	0	Hỏng - không sử dụng được	
96	Bàn làm việc + ghế NV	Cái	1	SH004	2007	1.655.000	1.655.000	1.655.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
97	Bàn làm việc + ghế NV	Cái	1	SH005	2007	1.677.000	1.677.000	1.677.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
98	Máy tính để bàn P4 3.0Gh R IG + LG17	Cái	1	SH007	2007	9.957.150	9.957.150	9.957.150	0	Hỏng - không sử dụng được	
99	Máy tính để bàn P4 3.0Gh R IG + LG17	Cái	1	SH008	2007	9.957.150	9.957.150	9.957.150	0	Hỏng - không sử dụng được	
100	Máy in HP 1320	Cái	1	SH009	2007	6.677.000	6.677.000	6.677.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
101	Ba lô	Cái	3	SH035	2013	566.440	1.699.320	1.699.320	0	Hỏng - không sử dụng được	
102	Máy hút ẩm 16L ED-16B-Edison	Cái	1	SH036	2013	9.299.066	9.299.066	9.299.066	0	Hỏng - không sử dụng được	
103	Kéo cắt cảnh cao BAHCO P34-27A-E	Cái	1	SH055	2014	2.891.205	2.891.205	2.891.205	0	Hỏng - không sử dụng được	
104	Cửa cắt cảnh Silky/Nhật	Cái	1	SH056	2014	2.236.259	2.236.259	2.236.259	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
105	Đèn pin đối đầu XML-T6 /Nhật	Cái	4	SH057	2014	1.298.092	5.192.368	5.192.368	0	Hồng - không sử dụng được	
106	Đèn đối đầu ZX-S330/Nhật Bản	Cái	1	SH058	2014	2.950.210	2.950.210	2.950.210	0	Hồng - không sử dụng được	
107	Máy tính để bàn P3 C1.8Gh R128 + ss14	Cái	1	PLH001	2002	6.613.800	6.613.800	6.613.800	0	Hồng - không sử dụng được	
108	Tủ gỗ đựng tài liệu	Cái	1	PLH003	2005	6.523.000	6.523.000	6.523.000	0	Hồng - không sử dụng được	
109	Bàn Giám đốc + 01 ghế GD	Cái	1	PLH004	2006	9.610.000	9.610.000	9.610.000	0	Hồng - không sử dụng được	
110	Máy tính để bàn P4 3.01Gh R512 + LCD LG17	Cái	1	PLH005	2006	9.775.800	9.775.800	9.775.800	0	Hồng - không sử dụng được	
111	Bàn Giám đốc + Ghế NV	Cái	1	PLH007	2007	3.036.000	3.036.000	3.036.000	0	Hồng - không sử dụng được	
112	Bàn làm việc + Ghế NV	Cái	1	PLH008	2007	869.000	869.000	869.000	0	Hồng - không sử dụng được	
113	Bàn làm việc + Ghế NV	Cái	1	PLH009	2007	390.000	390.000	390.000	0	Hồng - không sử dụng được	
114	Máy in Hp 1320	Cái	1	PLH011	2007	6.677.000	6.677.000	6.677.000	0	Hồng - không sử dụng được	
115	Máy tính để bàn P4 3.0Gh R1G + LCD LG17	Cái	1	PLH012	2007	8.972.600	8.972.600	8.972.600	0	Hồng - không sử dụng được	
116	Quạt treo tường Điện cơ	Cái	1	PLH027	2008	2.478.176	2.478.176	2.478.176	0	Hồng - không sử dụng được	
117	Máy tính để bàn P4 Dua2 1.8 R1G + Star 17	Cái	1	PLH043	2009	6.989.000	6.989.000	6.989.000	0	Hồng - không sử dụng được	
118	Máy tính để bàn P4 Dua2 2.2 R2G + LCD LG17	Cái	1	PLH044	2009	8.000.000	8.000.000	8.000.000	0	Hồng - không sử dụng được	
119	Máy hút ẩm 16L ED-16B-Edison	Cái	1	PLH066	2013	7.150.000	7.150.000	7.150.000	0	Hồng - không sử dụng được	
120	Ba lô	Cái	1	PLH080	2013	566.440	566.440	566.440	0	Hồng - không sử dụng được	
121	Máy in HP 1320	Cái	1	PLH117	2009	6.677.000	6.677.000	6.677.000	0	Hồng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
122	Máy in HP 1320	Cái	1	BT005	2007	6.677.000	6.677.000	6.677.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
123	Thuốc kẹp MW-65-Moore&Wright	Cái	1	BT022	2013	5.534.593	5.534.593	5.534.593	0	Hỏng - không sử dụng được	
124	Ba lô	Cái	1	BT025	2013	566.440	566.440	566.440	0	Hỏng - không sử dụng được	
125	Kéo cắt cảnh Kamaki P900/Nhật	Cái	6	BT048	2014	1.616.715	9.700.290	9.700.290	0	Hỏng - không sử dụng được	
126	Kéo cắt cảnh cao BAHCO P34-27A-E/	Cái	2	BT049	2014	2.891.205	5.782.410	5.782.410	0	Hỏng - không sử dụng được	
127	Cưa cắt cảnh Silky/Nhật	Cái	1	BT050	2014	2.236.259	2.236.259	2.236.259	0	Hỏng - không sử dụng được	
128	Đèn pin đội đầu XML-T6 /Nhật	Cái	4	BT051	2014	1.298.092	5.192.369	5.192.369	0	Hỏng - không sử dụng được	
129	Đèn đội đầu Gentos-headlight/nhật bản	Cái	4	BT052	2014	2.360.168	9.440.670	9.440.670	0	Hỏng - không sử dụng được	
130	Đèn đội đầu ZX-S330/Nhật bản	Cái	3	BT053	2014	2.950.210	8.850.629	8.850.629	0	Hỏng - không sử dụng được	
131	Máy in HP-1320	Cái	1	ĐL002	2006	6.677.000	6.677.000	6.677.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
132	P4 - 3.0GH - R 1G + LG 17	Cái	1	ĐL010	2007	9.957.150	9.957.150	9.957.150	0	Hỏng - không sử dụng được	
133	P4 - 3.0GH - R 1G + LG 17	Cái	1	ĐL011	2007	9.957.150	9.957.150	9.957.150	0	Hỏng - không sử dụng được	
134	P4 - 3.0GH - R1G + LG17	Cái	1	ĐL012	2007	9.957.150	9.957.150	9.957.150	0	Hỏng - không sử dụng được	
135	La bàn	Cái	1	ĐL019	2009	469.000	469.000	469.000	0	Hỏng - không sử dụng được	
136	Máy hút ẩm 16L ED-16B-Edison	Cái	1	ĐL037	2013	9.299.066	9.299.066	9.299.066	0	Hỏng - không sử dụng được	
137	Máy đo độ ẩm đất DM15	Cái	1	ĐL045	2013	1.609.205	1.609.205	1.609.205	0	Hỏng - không sử dụng được	
138	Ba lô	Cái	1	ĐL050	2013	566.440	566.440	566.440	0	Hỏng - không sử dụng được	
139	Pipet 5ml, 10ml, 25ml,	Cái	3	ĐL069	2015	814.258	2.442.773	2.442.773	0	Hỏng - không sử dụng được	

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Số hiệu TS	Năm đưa vào sử dụng	Đơn giá	Nguyên giá (đồng)	Hao mòn lũy kế	GTCL (đồng)	Tình trạng của tài sản	Ghi chú
	50ml, 100ml									dụng được	
140	Burette 25ml, 50ml, 100ml, 125ml	Cái	3	ĐL070	2015	1.029.033	3.087.099	3.087.099	0	Hồng - không sử dụng được	
141	Bình định mức 10ml, 25ml, 50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1000ml, 2000ml	Cái	3	ĐL071	2015	2.548.981	7.646.943	7.646.943	0	Hồng - không sử dụng được	
142	Bình tam giác 25ml, 50ml, 100ml, 250ml, 500ml	Cái	3	ĐL072	2015	523.957	1.571.872	1.571.872	0	Hồng - không sử dụng được	
143	Bình nút nhám 25ml, 50ml, 100ml, 500ml, 1000ml, 2000ml	Cái	2	ĐL073	2015	1.498.707	2.997.413	2.997.413	0	Hồng - không sử dụng được	
144	Ống đong 25ml, 50ml, 100ml, 250ml, 1000ml	Cái	3	ĐL074	2015	984.190	2.952.570	2.952.570	0	Hồng - không sử dụng được	
145	Que khuấy	Cái	3	ĐL075	2015	70.805	212.415	212.415	0	Hồng - không sử dụng được	
146	Bình tỷ trọng	Cái	2	ĐL076	2015	519.237	1.038.474	1.038.474	0	Hồng - không sử dụng được	
147	Các loại phễu	Cái	2	ĐL077	2015	177.013	354.025	354.025	0	Hồng - không sử dụng được	
148	Nhiệt kế Model 445703 USA	Cái	1	ĐL081	2015	5.256.737	5.256.737	5.256.737	0	Hồng - không sử dụng được	
149	Máy tính P4 - 3.0GH - R 1G + LG 17	Cái	1	ĐC006	2007	9.957.150	9.957.150	9.957.150	0	Hồng - không sử dụng được	
150	Búa Địa chất	Cái	1	ĐC014	2009	1.593.113	1.593.113	1.593.113	0	Hồng - không sử dụng được	
151	Ba lô	Cái	2	ĐC033	2013	566.440	1.132.880	1.132.880	0	Hồng - không sử dụng được	
152	Kính lúp cầm tay MS01/Đức	Cái	2	ĐC055	2014	495.635	991.270	991.270	0	Hồng - không sử dụng được	
153	Đèn pin đội đầu XML-T6 /Nhật	Cái	2	ĐC056	2014	1.298.092	2.596.184	2.596.184	0	Hồng - không sử dụng được	
Tổng tiền							636.712.248				